

**UBND TỈNH PHÚ YÊN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 617/SGDDĐT-KHTC
V/v triển khai xây dựng dự toán
NSNN năm 2019

Phú Yên, ngày 06 tháng 8 năm 2018

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc, Văn phòng Sở GDĐT.

Căn cứ Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 08/6/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019-2021;

Thực hiện Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 05/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Thực hiện Công văn số 2211/STC-QLNS ngày 12/7/2018 của Sở Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2019;

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị xây dựng dự toán NSNN năm 2019 với những nội dung sau:

1. Mẫu biểu số 12.1 ban hành theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC: Dùng cho tất cả các đơn vị sự nghiệp công, kể cả Văn phòng Sở;
2. Mẫu biểu số 12.3 ban hành theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC: Chỉ dùng cho Trung tâm GDTX tỉnh (Đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên);
3. Mẫu biểu số 12.4 ban hành theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC: Dùng cho các đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi thường xuyên;
4. Mẫu biểu số 12.5 ban hành theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC: Dùng cho các đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên;
5. Mẫu biểu số 13.1 ban hành theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC: Dùng cho tất cả các đơn vị sự nghiệp và kể cả Văn phòng Sở;
6. Mẫu biểu số 14 ban hành theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC: Dùng cho Văn phòng Sở;
7. Mẫu biểu số 15.1 ban hành theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC: Dùng cho Văn phòng Sở;
8. Mẫu biểu số 15.2 ban hành theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC: Dùng cho tất cả các đơn vị sự nghiệp;
9. Bảng đăng ký lương năm 2019: Dùng cho tất cả các đơn vị;
10. Dự toán thu sự nghiệp, hoạt động dịch vụ năm 2019: Dùng cho tất cả các đơn vị;

(Đính kèm các biểu mẫu)

Đề nghị: Các biểu lập hoàn chỉnh và đóng thành tập theo thứ tự như trên; nộp về Sở GDĐT 02 tập; **thời hạn nộp trước ngày 10/8/2018**. Đồng thời gửi báo cáo (file mềm) đến địa chỉ: huynhmykimcuong@phuyen.edu.vn để thuận tiện cho việc tổng hợp.

Sở GDĐT yêu cầu thủ trưởng các đơn vị khẩn trương chỉ đạo các bộ phận liên quan thực hiện đúng thời hạn trên. / *Phạm Văn Cường*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website Sở GDĐT;
- Lưu: VT, KHTC. *huynh*

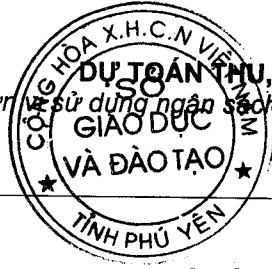


Phạm Văn Cường

Tên đơn vị:...

Mẫu biểu số 12.1

Chương:...



(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo cơ quan quản lý cấp trên; đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm.... (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm.... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
A	Các đơn vị sự nghiệp công				
I	Tổng nguồn tài chính của đơn vị (=1+2+3+4)				
1	Thu sự nghiệp, dịch vụ				
1.1	Thu từ các hoạt động cung cấp các dịch vụ công do nhà nước định giá <i>Trong đó: Phần thu tăng thêm do thực hiện lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ theo quy định</i>				
1.2	Thu từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật				
1.3	Kinh phí nhà nước đặt hàng				
2	Nguồn thu phí được để lại				
3	Nguồn ngân sách nhà nước				
3.1	Ngân sách trong nước				
-	Kinh phí thường xuyên				
-	Kinh phí thực hiện các chính sách của Nhà nước; nhiệm vụ được Nhà nước giao (<i>chi tiết từng chính sách, nhiệm vụ</i>)				
-	Các nhiệm vụ không thường xuyên (kinh phí thực hiện chương trình, dự án, đề án; kinh phí đối ứng các dự án ODA theo quyết định của cấp có thẩm quyền; mua sắm trang thiết bị theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao;...)				
3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Nguồn thu hợp pháp khác				
II	Chi từ nguồn tài chính của đơn vị (=1+2+3+4)				
1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ				
1.1	Chi tiền lương				
1.2	Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý				
1.3	Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định				
1.4	Chi đầu tư phát triển theo quy định				
1.5	Chi khác theo quy định				
1.6	Nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				

2.1	Kinh phí thường xuyên				
2.2	Kinh phí không thường xuyên				
3	Chi từ nguồn ngân sách nhà nước				
3.1	Ngân sách trong nước				
3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Chi từ nguồn thu hợp pháp khác				
B	Các đơn vị khác (nếu có) (2)				
I	Dự toán thu				
1	Kinh phí nhà nước đặt hàng (3)				
2	Nguồn NSNN				
2.1	Ngân sách trong nước				
-	Kinh phí thực hiện các chính sách của Nhà nước; nhiệm vụ được Nhà nước giao (<i>chi tiết từng chính sách, nhiệm vụ</i>)				
-	Các nhiệm vụ không thường xuyên (kinh phí thực hiện chương trình, dự án, đề án; kinh phí đối ứng các dự án ODA theo quyết định của cấp có thẩm quyền; mua sắm trang thiết bị theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao;...)				
2.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
3	Nguồn thu hợp pháp khác				
II	Dự toán chi				
1	Kinh phí nhà nước đặt hàng				
2	Chi từ nguồn NSNN				
2.1	Ngân sách trong nước				
2.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
3	Chi từ nguồn thu hợp pháp khác				
C	Dự toán chi NSNN thực hiện các nhiệm vụ, đề án khác (nếu có) (4)				

Ghi chú:

(1) Chi tiết từng lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề; Khoa học và công nghệ; Y tế, dân số và gia đình; Văn hóa thông tin; Phát thanh, truyền hình, thông tấn; Thể dục, thể thao; Bảo đảm xã hội; Bảo vệ môi trường; Các hoạt động kinh tế.

(2) Cơ quan hành chính đoàn thể nhưng được giao nhiệm vụ thực hiện thuộc lĩnh vực sự nghiệp (ví dụ: Văn phòng Bộ A được giao kinh phí nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng CBCC;...)

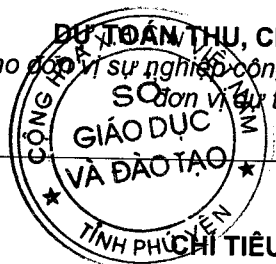
(3) Thuyết minh chi tiết theo danh mục dịch vụ sự nghiệp công (số lượng, đơn giá từng danh mục dịch vụ sự nghiệp công để xác định dự toán kinh phí)

(4) Các nhiệm vụ, đề án... đang trình cấp có thẩm quyền quyết định, dự kiến thực hiện trong năm dự toán.

....., ngày... tháng... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

DỰ TOÁN THU, CHI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP LĨNH VỰC..... (1) NĂM
 (Dùng cho đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên (2) báo cáo cơ quan quản lý cấp trên;
 đơn vị sự nghiệp công tự báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	B	Thực hiện năm.... (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm ... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
I	Tổng nguồn tài chính của đơn vị				
1	Thu sự nghiệp, dịch vụ				
1.1	Từ các hoạt động cung cấp các dịch vụ công do nhà nước định giá				
	<i>Trong đó: Phần thu tăng thêm do thực hiện lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ theo quy định</i>				
1.2	Từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật				
1.3	Kinh phí nhà nước đặt hàng (3)				
2	Nguồn thu phí được để lại				
3	Nguồn ngân sách nhà nước				
3.1	Ngân sách trong nước				
-	Kinh phí thực hiện các chính sách của Nhà nước; nhiệm vụ được Nhà nước giao (<i>chi tiết từng chính sách, nhiệm vụ</i>)				
-	Các nhiệm vụ không thường xuyên (kinh phí thực hiện chương trình, dự án, đề án; kinh phí đối ứng các dự án ODA theo quyết định của cấp có thẩm quyền; mua sắm trang thiết bị theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao;...)				
3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Nguồn thu hợp pháp khác				
II	Sử dụng nguồn tài chính của đơn vị				
1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ				
1.1	Chi tiền lương				
1.2	Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý				
1.3	Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định				
1.4	Chi khác theo quy định				
1.5	Nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Kinh phí thường xuyên				
2.2	Kinh phí không thường xuyên				
3	Chi từ nguồn ngân sách nhà nước				
3.1	Ngân sách trong nước				

3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Chi từ nguồn thu hợp pháp khác				

Ghi chú:

(1) Chi tiết từng lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề; Khoa học và công nghệ; Y tế, dân số và gia đình; Văn hóa thông tin; Phát thanh, truyền hình, thông tấn; Thể dục, thể thao; Bảo đảm xã hội; Bảo vệ môi trường; Các hoạt động kinh tế.

(2) Bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp công thuộc sự nghiệp khác được giao thực hiện nhiệm vụ sự nghiệp báo cáo (Ví dụ: Viện Chiến lược phát triển thuộc lĩnh vực KH&CN được giao thực hiện nhiệm vụ đào tạo,....).

(3) Thuyết minh chi tiết theo danh mục dịch vụ sự nghiệp công (số lượng, đơn giá từng danh mục dịch vụ sự nghiệp công để xác định dự toán kinh phí)

....., ngày... tháng... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

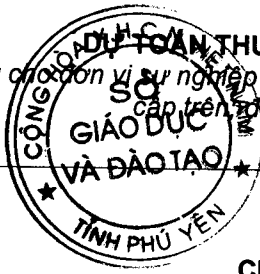
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:...

Mẫu biểu số 12.4

Chương:...

DỰ TOÁN THU, CHI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP LĨNH VỰC⁽¹⁾ NĂM
 (Dùng cho đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên⁽²⁾ báo cáo cơ quan quản lý cấp trên đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHI TIẾT	Thực hiện năm.... (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm.... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
I	Tổng nguồn tài chính của đơn vị				
1	Thu sự nghiệp, dịch vụ				
1.1	Từ các hoạt động cung cấp các dịch vụ công do nhà nước định giá				
	<i>Trong đó: Phần thu tăng thêm do thực hiện lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ theo quy định</i>				
1.2	Từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật				
1.3	Kinh phí nhà nước đặt hàng (3)				
2	Nguồn thu phí được để lại				
3	Nguồn NSNN				
3.1	Ngân sách trong nước				
-	Kinh phí thường xuyên theo phương án tự chủ được cấp có thẩm quyền giao				
-	Kinh phí thực hiện các chính sách của Nhà nước; nhiệm vụ được Nhà nước giao (<i>chi tiết từng chính sách, nhiệm vụ</i>)				
-	Các nhiệm vụ không thường xuyên (kinh phí thực hiện chương trình, dự án, đề án; kinh phí đối ứng các dự án ODA theo quyết định của cấp có thẩm quyền; mua sắm trang thiết bị theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao;...)				
3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Nguồn thu hợp pháp khác				
II	Sử dụng nguồn tài chính của đơn vị				
1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ				
1.1	Chi tiền lương				
1.2	Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý				
1.3	Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định				
1.4	Chi khác theo quy định				
1.5	Nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Kinh phí thường xuyên				

2.2	Kinh phí không thường xuyên				
3	Chi từ nguồn NSNN				
3.1	Ngân sách trong nước				
3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Chi từ nguồn thu hợp pháp khác				

Ghi chú:

(1) Chi tiết từng lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề; Khoa học và công nghệ; Y tế, dân số và gia đình; Văn hóa thông tin; Phát thanh, truyền hình, thông tấn; Thể dục, thể thao; Bảo đảm xã hội; Bảo vệ môi trường; Các hoạt động kinh tế.

(2) Bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp công thuộc sự nghiệp khác được giao thực hiện nhiệm vụ sự nghiệp báo cáo (Ví dụ: Viện Chiến lược phát triển thuộc lĩnh vực KH&CN được giao thực hiện nhiệm vụ đào tạo,.....).

(3) Thuyết minh chi tiết theo danh mục dịch vụ sự nghiệp công (số lượng, đơn giá từng danh mục dịch vụ sự nghiệp công để xác định dự toán kinh phí)

....., ngày... tháng... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

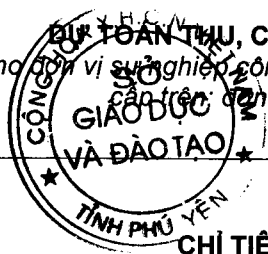
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:...

Mẫu biểu số 12.5

Chương:...

DỰ TOÁN THU, CHI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP LĨNH VỰC⁽¹⁾ NĂM⁽²⁾
 (Dùng cho đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên ⁽²⁾ báo cáo cơ quan quản lý cấp trên; đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện năm.... (năm trước)	Năm.... (năm hiện hành)		Dự toán năm.... (năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
I	Tổng nguồn tài chính của đơn vị				
1	Thu sự nghiệp, dịch vụ				
1.1	Từ các hoạt động cung cấp các dịch vụ công do nhà nước định giá				
	<i>Trong đó: Phần thu tăng thêm do thực hiện lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ theo quy định</i>				
1.2	Từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật				
1.3	Kinh phí nhà nước đặt hàng (3)				
2	Nguồn thu phí được để lại				
3	Nguồn NSNN				
3.1	Ngân sách trong nước				
-	NSNN cấp chi thường xuyên trên cơ sở số lượng người làm việc và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt				
-	Kinh phí thực hiện các chính sách của Nhà nước; nhiệm vụ được Nhà nước giao (<i>chi tiết từng chính sách, nhiệm vụ</i>)				
-	Các nhiệm vụ không thường xuyên (kinh phí thực hiện chương trình, dự án, đề án; kinh phí đối ứng các dự án ODA theo quyết định của cấp có thẩm quyền; mua sắm trang thiết bị theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao;...)				
3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Nguồn thu hợp pháp khác				
II	Sử dụng nguồn tài chính của đơn vị				
1	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ				
1.1	Chi tiền lương				
1.2	Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý				
1.3	Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định				
1.4	Chi khác theo quy định				
1.5	Nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				

2.1	Kinh phí thường xuyên				
2.2	Kinh phí không thường xuyên				
3	Chi từ nguồn NSNN				
a	Ngân sách trong nước				
b	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật				
4	Chi từ nguồn thu hợp pháp khác				

Ghi chú:

(1) Chi tiết từng lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo và dạy nghề; Khoa học và công nghệ; Y tế, dân số và gia đình; Văn hóa thông tin; Phát thanh, truyền hình, thông tấn; Thể dục, thể thao; Bảo đảm xã hội; Bảo vệ môi trường; Các hoạt động kinh tế.

(2) Bao gồm cả các đơn vị sự nghiệp công thuộc sự nghiệp khác được giao thực hiện nhiệm vụ sự nghiệp báo cáo (Ví dụ: Viện Chiến lược phát triển thuộc lĩnh vực KH&CN được giao thực hiện nhiệm vụ đào tạo,....).

(3) Thuyết minh chi tiết theo danh mục dịch vụ sự nghiệp công (số lượng, đơn giá từng danh mục dịch vụ sự nghiệp công để xác định dự toán kinh phí)

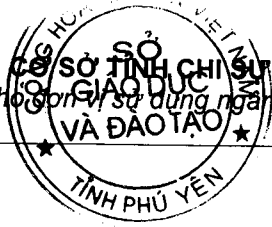
....., ngày... tháng... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Mẫu biểu số 13.1

Chương:.....



CƠ SỞ TỈNH CHỈ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ NĂM
 (Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán trên; đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Số thực hiện năm ... (năm trước)	Năm ... (năm hiện hành)		Dự kiến năm... (năm kế hoạch)
				Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4	5
I	Các cấp học và trình độ đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp					
1	Giáo dục phổ thông (chi tiết: tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông)					
1.1	Số trường	Trường				
	<i>(Chi tiết số trường theo mức độ tự chủ theo quy định)</i>					
1.2	Số học sinh	Người				
a	Số học sinh ra trường	Người				
b	Số học sinh tuyển mới	Người				
c	Số học sinh có mặt tại thời điểm 31/5	Người				
d	Số học sinh bình quân (1)	Người				
	Trong đó - Số học sinh được miễn học phí	Người				
	- Số học sinh được giảm học phí	Người				
	- Số học sinh được hỗ trợ chi phí học tập	Người				
	- Số học sinh được hỗ trợ ...	Người				
1.3	Tổng kinh phí NSNN cấp	Triệu đồng				
a	Kinh phí giao tự chủ					
	- Quý lương và các khoản có tính chất lương	Triệu đồng				
	- Chi hoạt động chuyên môn, quản lý	Triệu đồng				
	- Chi....	Triệu đồng				
b	Kinh phí không giao tự chủ					
	<i>Chi tiết theo từng khoản chi, chính sách</i>	Triệu đồng				
2	Giáo dục nghề nghiệp (chi tiết sơ cấp, trung cấp, cao đẳng,...)					
	<i>Báo cáo theo các chi tiêu nêu tại điểm 1</i>					
3	Giáo dục đại học và sau đại học					
	<i>Báo cáo theo các chi tiêu nêu tại điểm 1</i>					
4					
II	Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ công chức Nhà nước					
1	Chi tiêu đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước					

2	Chi tiêu đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài					
---	--	--	--	--	--	--

Ghi chú: (1) Tính theo phương pháp bình quân gia quyền

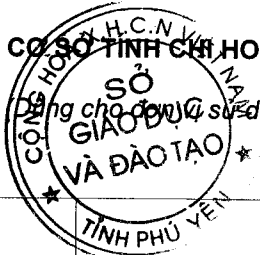
....., ngày... tháng... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Mẫu biểu số 14

Chương:.....



CƠ SỞ TÍNH CHỈ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ NĂM...
Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Thực hiện năm... (năm trước)	Năm... (năm hiện hành)		Dự toán năm...(năm kế hoạch)
			Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3	4
I	Cơ sở tính				
1	Biên chế được giao				
2	Biên chế thực tế				
II	Tổng số kinh phí				
1	Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương				
a	Tính theo biên chế thực tế				
b	Tính theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao (<i>đối với trường hợp biên chế thực tế thấp hơn biên chế được cấp có thẩm quyền giao</i>)				
2	Chi thường xuyên theo định mức				
3	Chi đặc thù ngoài định mức (1)				
	- Nội dung				
	- Nội dung				
	-				

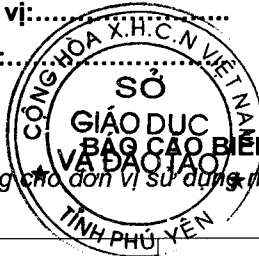
Ghi chú: (1) Chi tiết từng nội dung công việc, cơ sở và căn cứ tính toán

..., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị:.....

Mẫu biểu số 15.1

Chương:.....



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TIỀN LƯƠNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ NĂM...
 (Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách báo cáo đơn vị dự toán cấp trên; dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	LĨNH VỰC/TÊN ĐƠN VỊ	Thực hiện năm...(năm trước)			Dự toán năm...(năm hiện hành)			Ước thực hiện năm...(năm hiện hành)			Dự toán năm...(năm kế hoạch)													
		Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Tổng số biên chế có mặt thời điểm 31/12 (Người)	Quý lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo biên chế có mặt 31/12	Trong đó:			Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Quý lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương theo biên chế có mặt 31/12	Lương theo ngạch, bậc	Phụ cấp theo lương	Các khoản đóng góp theo lương	Tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (Người)	Quý lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương	Lương theo ngạch, bậc	Phụ cấp theo lương	Các khoản đóng góp theo lương							
					Lương theo ngạch, bậc	Phụ cấp theo lương	Các khoản đóng góp theo lương																	
A	B	1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12	13	14=15+16+17	15	16	17	18	19=20+21+22	20	21	22	
TỔNG SỐ																								
1	Đơn vị.....																							
2	Đơn vị.....																							
...																							

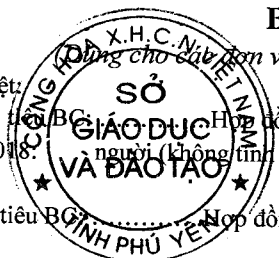
....., ngày ... tháng ... năm ...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (Ký tên, đóng dấu)

Đơn vị:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chương..... Mã đơn vị QHNS

BẢNG ĐĂNG KÝ LƯƠNG NĂM 2019



- Biên chế được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt: *(Điền cho các đơn vị dự toán cấp II, III báo cáo đơn vị dự toán cấp I và Sở Tài chính)*

Trong đó: Biên chế ; Hợp đồng trong chỉ tiêu BC..... Hợp đồng ND 68:.....

- Tổng số đối tượng hưởng lương có mặt đến: 31/12/2018: người (không tính hợp đồng ngoài chỉ tiêu biên chế)

Trong đó:
 Trong đó: Biên chế ; Hợp đồng trong chỉ tiêu BC..... Hợp đồng ND 68:.....

ĐVT : 1.000đ

TT	Họ và tên	Ngạch lương	Thời điểm tính nâng bậc lương hoặc PC TNVK lần sau	Hệ số lương, phụ cấp ngày 31/12/2018													Quỹ lương các khoản có tính chất lương				Quỹ tiền lương, các khoản có tính chất lương 1 tháng	Quỹ tiền lương, các khoản có tính chất lương năm 2019		
				Tổng cộng hệ số	Hệ số lương	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó										Lương các khoản phụ cấp	Các khoản trích						
							Chức vụ	Thâm niên vượt khung	Thâm niên nghề	Phụ cấp trách nhiệm	Độc hại nguy hiểm	Ưu đãi ngành, nghề	Công tác lâu năm	Khu vực	Thu hút	Công vụ		Trách nhiệm cấp uỷ	BHXH 17,5%	BHYT 3%			KPCĐ 2%	BHTN 1%
A	B	1	2	3=4+5	4	5=6..+16	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=17+..+21	23=22x12
Tổng cộng (a+b)																								
a	Cộng trong biên chế																							
-	Công chức																							
-	Viên chức																							
-	Giáo viên, nhân viên																							
b	Hợp đồng Nghị định 68																							
I	Trong biên chế																							
1	Công chức																							
.....																								
2	Viên chức																							
.....																								
II	Hợp đồng trong chỉ tiêu BC																							
1	Giáo viên, nhân viên																							
III	Hợp đồng Nghị định 68																							
.....																								

Kê toán
(Ghi rõ họ và tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký đóng dấu; ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: Tính theo MLCS 1.390.000đ/tháng

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đơn vị:



DỰ TOÁN THU SỰ NGHIỆP, HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
 (KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NSNN ĐẶT HÀNG, GIAO NHIỆM VỤ)
 NĂM 2019

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018					Ước thực hiện năm 2018					Dự toán năm 2019						
		Tổng thu	Nguồn thu học phí	Nguồn thu dịch vụ			Tổng thu	Nguồn thu học phí	Nguồn thu dịch vụ			Tổng thu	Nguồn thu học phí	Nguồn thu dịch vụ				
				Cho thuê CSVC	Dạy thêm, học thêm			Cho thuê CSVC	Dạy thêm, học thêm			Cho thuê CSVC			
I	Sự nghiệp giáo dục																	
1	Trường																	

Ghi chú:

- Đối với nguồn thu học phí đơn vị dự toán thu học phí phổ thông công lập; học phí bán công, GDTX đơn vị dự toán nguồn thu dịch vụ.
- Đối với nguồn thu dịch vụ đơn vị dự toán khoản kinh phí còn lại sau khi trừ các khoản chi phí trực tiếp gồm các khoản thuế, lệ phí, phí phải nộp NSNN (nếu có) và chi phí thu

Người lập biểu

Kế toán trưởng

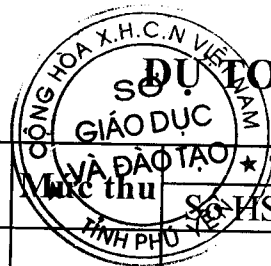
Phú Yên, ngày 18 tháng 07 năm 2018
 Thủ trưởng đơn vị

Tên đơn vị:.....

Chương:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DỰ TOÁN THU HỌC PHÍ NĂM 2019

DVT : Đồng

STT	NỘI DUNG	Tổng số thu		Số miễn 100%		Số giảm		Dự toán thu	
		Mức thu	Số HS	Số HS	Số tiền miễn	Số HS	Số tiền giảm	Số HS	Số tiền thu
I	Học phí phổ thông công lập								
	<i>6 tháng đầu năm</i>								
1	Khối 6								
2	Khối 7								
3	Khối 8								
4	Khối 9								
5	Khối 10								
6	Khối 11								
7	Khối 12								
	CỘNG								
	<i>6 tháng cuối năm</i>								
1	Khối 6								
2	Khối 7								
3	Khối 8								
4	Khối 9								
5	Khối 10								
6	Khối 11								
7	Khối 12								
	CỘNG								
	Tổng cộng								

Kế toán trưởng

....., ngày tháng năm 201

Thủ trưởng đơn vị